

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2023/HC-PT
Ngày 15 tháng 5 năm 2023
*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai và quyết định giải quyết khiếu nại.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;
Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực
tuyến (số IV) Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; điểm cầu thành phần: Phòng xét
xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh TB, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét
xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 77/2023/TLPT-HC ngày 31
tháng 01 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực
quản lý Nhà nước về đất đai và quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 214/2022/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm
2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TB bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4748/2023/QĐ-PT
ngày 26 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Vũ Thị N sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn PK, xã VP,
thành phố TB, tỉnh TB (Vắng mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh TB.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lại Văn H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
tỉnh TB (Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2023) (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân
tỉnh TB là ông Vũ Ngọc T – Trung tâm trợ giúp pháp lý Sở Tư pháp TB (Có
mặt).

2. Ủy ban nhân dân thành phố TB, tỉnh TB.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TB, tỉnh TB.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố TB và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TB : Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TB , tỉnh TB (Văn bản ủy quyền ngày ngày 02/3/2023) (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố TB và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố TB là ông Phạm Đình Thân sinh năm 1968; trú tại: phường Hoàn Diệu, thành phố TB , tỉnh TB (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Văn T ; địa chỉ: Khu phố VM, phường QV, thành phố SS, tỉnh TB (Vắng mặt).

2. Chị Hoàng Thị N sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 7, phường HD, thành phố TB , tỉnh TB (Vắng mặt).

3. Chị Hoàng Thị N sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn PK, xã VP, thành phố TB, tỉnh TB (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh T , chị N , chị N: Bà Vũ Thị N (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/7/2021 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là Bà Vũ Thị N trình bày:

Hộ gia đình bà được giao đất nông nghiệp theo Quyết định số 948 và Quyết định số 652 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh TB. Năm 2013, ông Hoàng Cao K (chồng của bà chết). Bà và ông Khởi có 03 người con chung là Anh Hoàng Văn T , chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị N.

Năm 2017, UBND xã VP thông báo trên loa truyền thanh mời các hộ có đất nông nghiệp ở khu vực bị thu hồi để làm dự án xây dựng khu dân cư mới VP đến hội trường thôn để họp thông báo về việc thu hồi và bồi thường. Bà cùng một số hộ dân đến họp. Tham dự có ông Lê Duy T (Chủ tịch UBND xã) và đại diện thôn cùng các hộ dân. Ông T phổ biến: Nhà nước thu hồi đất áp giá theo quy định là 69.000.000 đồng/sào gồm bồi thường về đất và hỗ trợ tất cả các loại, hộ nào bị thu hồi từ 1.093m² đất nông nghiệp trở lên thì sẽ được hỗ trợ 01 suất đất an sinh.

Tại buổi họp, bà Hoàng Thị T phát Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố TB để các hộ dân biết diện tích đất bị thu hồi và tổng số tiền được bồi thường. Theo danh sách, số thứ tự của hộ gia đình bà là 256, diện tích bị thu hồi là 127,4m², diện tích được bồi thường là 129 m², tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là 24.890.000 đồng. Bà đã nhận đủ 24.890.000 đồng.

Ngoài số tiền được bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND, hộ gia đình bà được hỗ trợ thêm 5.000.000 đồng/sào đất bị thu hồi và bà

đã nhận tiền nhưng không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu, hỗ trợ cho khoản nào. Một thời gian sau, bà nghe thông tin là có nhiều hộ gia đình được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ cao hơn so với gia đình bà, có hộ cao nhất được bồi thường, hỗ trợ với giá 175.000.000 đồng/sào nên bà cùng một số hộ dân trong thôn ủy quyền cho bà T, bà T, bà M, bà N làm đơn đề nghị UBND thành phố TB hỗ trợ bổ sung cho các hộ dân bị thu hồi đất đã nhận tiền bồi thường với giá thấp nhưng UBND thành phố TB không chấp nhận.

Ngày 28/5/2020, bà Hoàng Thị T cùng một số người khác đại diện cho hộ gia đình bà và các hộ dân khác tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố TB. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố TB ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, giữ nguyên nội dung các quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB (trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016).

Ngày 21/10/2020, bà T cùng một số người khác đại diện cho hộ gia đình bà và các hộ dân tiếp tục làm đơn khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố TB. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh TB ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Bà khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy 03 quyết định sau:

- Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (sau đây viết tắt là Quyết định số 13577/QĐ-UBND)

- Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn PK, thôn PT, xã VP (sau đây viết tắt là Quyết định số 3272/QĐ-UBND).

- Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh TB về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố TB, tỉnh TB (sau đây viết tắt là Quyết định số 520/QĐ-UBND).

Người bị kiện là UBND thành phố TB và Chủ tịch UBND thành phố TB (do người đại diện) trình bày:

- Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng:

Dự án Khu dân cư mới xã VP, thành phố TB được UBND tỉnh TB phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012, được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh TB có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; HĐND tỉnh TB có Nghị quyết số

30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã VP thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh TB về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND thành phố TB ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (trong đó có hộ bà Vũ Thị N) để thực hiện dự án là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền quy định.

- Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Ngày 05/8/2016, UBND thành phố TB ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất và đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định.

Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016 Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã VP, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi hợp để triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án; trong đó đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng.

Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án; kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất; Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố TB đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã VP, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan; UBND thành phố TB đã ban hành các quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định, trong đó có Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 liên quan đến hộ bà N.

- Về lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: Sau khi ban hành Kế hoạch, Thông báo thu hồi đất, UBND thành phố TB chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các phòng, ban, đơn vị liên quan thành phố và UBND xã VP lập phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc dự án đúng theo chế độ chính sách, đơn giá bồi thường, hỗ trợ và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án theo quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 và Công văn số 346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh TB .

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố TB, UBND thành phố đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 (trong đó có hộ bà N) là đảm bảo đúng quy định của nhà nước và của tỉnh TB thống nhất một chế độ chính sách đối với tất cả các hộ dân trong cùng dự án. Như vậy, việc bà N cho rằng phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của dự án khu dân cư mới xã VP không công bằng là không có cơ sở.

- Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố TB :

Theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố TB, bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân (trong đó có hộ gia đình bà N) thôn PK, thôn PT, xã VP khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB. Ngày 03/7/2020, UBND thành phố TB có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại. Ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố TB ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T cùng một số công dân thôn Phúc Khánh và thôn Phúc Thượng, xã VP. Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố TB có Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố TB giải quyết khiếu nại.

Xét đề nghị của Đoàn xác minh tại Báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn PK, thôn PT, xã VP. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố TB (theo Quyết định ủy quyền số 2323/QĐ-UBND ngày 09/7/2020) đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); trong đó kết luận giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB.

Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố TB là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Chủ tịch UBND thành phố TB và UBND thành phố TB khẳng định toàn

bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại liên quan đến thu hồi đất tại dự án Khu dân cư mới xã VP, thành phố TB được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; khiếu kiện của bà N là không có căn cứ; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh TB (do người đại diện) trình bày:

- Về thẩm quyền:

Chủ tịch UBND tỉnh TB thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) của các công dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

- Về trình tự, thủ tục:

Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh TB thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh TB xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai).

Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) nêu trên thực hiện theo đúng quy định của Luật Khiếu nại, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

- Về nội dung giải quyết khiếu nại:

Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn PK, thôn PT, xã VP, thành phố TB đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh TB thấy việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố TB đối với khiếu nại của các công dân bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của các hộ dân trong đó có hộ bà N có đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật nên ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố TB.

Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh TB đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 214/2022/HC-ST ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh TB quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N, gồm các yêu cầu sau:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB ;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB về việc giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh TB về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/10/2022, Bà Vũ Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là Bà Vũ Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh Hoàng Văn T , chị Hoàng Thị N, Chị Hoàng Thị N vắng mặt. Người bị kiện là UBND tỉnh TB , Chủ tịch UBND thành phố TB , UBND thành phố TB vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ lần hai.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Tòa án bác kháng cáo và bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Kháng cáo của Bà Vũ Thị N là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của bà N và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh TB mở phiên tòa sơ thẩm nhưng Bà Vũ Thị N vắng mặt. Ngày 28/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh TB giao Bản án hành chính sơ thẩm số 214/2022/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 cho bà N. Cùng ngày, Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn của bà N kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, bà N còn đề nghị Tòa án miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí phúc thẩm với lý do bà N là người cao tuổi. Đơn kháng cáo của bà N gửi trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng Bà Vũ Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh Hoàng

Văn T , chị Hoàng Thị N, Chị Hoàng Thị N vắng mặt. Bà N cũng là người đại diện theo ủy quyền của Anh Hoàng Văn T , chị Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị N. Khi nộp đơn kháng cáo bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người bị kiện cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Ngày 30/7/2021, Bà Vũ Thị N có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố TB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB ; Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB , tỉnh TB về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh TB về việc giải quyết khiếu nại (lần hai). Đây là các là quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành trong hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực đất đai có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của bà N nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh TB thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Dự án khu dân cư xã VP, thành phố TB được UBND tỉnh TB phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh TB có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; Hội đồng nhân dân tỉnh TB ban hành Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. UBND tỉnh TB ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 05/8/2016 về việc thu hồi đất kèm theo thông báo thu hồi, gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định, có niêm yết công khai. Sau cuộc họp với các hộ dân có đất bị thu hồi, UBND thành phố đã xem xét đề nghị của các phòng ban, đơn vị liên quan và ra Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư mới xã VP, thành phố TB (trong đó có hộ bà Vũ Thị N). Bà N cho rằng việc bồi thường của Nhà nước không công bằng về giá nên đã ủy quyền cho bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân khác làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố TB . Chủ tịch UBND thành phố TB ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016. Không đồng ý với quyết định nêu trên, ngày 21/10/2020 bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân khác tiếp tục khiếu nại đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh TB ban hành Quyết định số 520/QĐ-

UBND giải quyết khiếu nại lần hai, không chấp nhận đơn khiếu nại của người đại diện cho bà N, giữ nguyên kết quả giải quyết khiếu nại tại Quyết định 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố TB .

Như vậy, việc ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố TB là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 62, Điều 63 và khoản 6 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Chủ tịch UBND thành phố TB ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND tỉnh TB ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của người đại diện ủy quyền của Bà Vũ Thị N và các công dân khác là đúng trình tự, thẩm quyền được quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013, Điều 22, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013.

[2.2] Về tính hợp pháp về nội dung các Quyết định hành chính:

- Xét Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố TB .

Về cơ sở pháp lý: Sau khi tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND thành phố thẩm định, ngày 01/12/2016 UBND thành phố TB ban hành Quyết định số 13315/QĐ-UBND về việc thu hồi đất. Hộ Bà Vũ Thị N bị thu hồi 124,7 m² đất lúa tại thửa số 27, tờ bản đồ số 12 thuộc địa giới hành chính xã VP, thành phố TB (BL 130). Thực tế gia đình bà N nhận bồi thường diện tích đất là 129m² và các khoản hỗ trợ với tổng số tiền là 24.89.000 đồng (BL 131). Hộ gia đình bà N không khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất.

Về mức giá bồi thường về đất, tài sản trên đất và các khoản hỗ trợ tại Quyết định số 13577/QĐ-UBND thì thấy mức bồi thường về đất theo đơn giá cây trồng hàng năm là 42.000đồng/m², hệ số 1,0; tiền hỗ trợ đào tạo chuyển nghề và tìm kiếm việc làm là 42.000đồng/m² x hệ số 1,5; mức hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất được áp dụng là nhân khẩu x 30 kg x số tháng x 11.500 đồng, các khoản hỗ trợ khác theo Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh TB và bồi thường tài sản xây dựng, cây cối hoa màu trên đất...là phù hợp với quy định tại Điều 77, điểm a, b khoản 2 Điều 83, Điều 84, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013 và Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh TB ban hành kèm theo Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh TB ; Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh TB về quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh TB năm 2016; Điều 14, Điều 15 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh TB ban hành quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

TB ; khoản 7 Điều 19, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được UBND thành phố TB phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án, công khai mức bồi thường, hỗ trợ; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tới các hộ gia đình, cá nhân (có gia đình bà N). Sau đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã VP tổ chức thực hiện việc chi trả tiền phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố phê duyệt. Như vậy, UBND thành phố TB đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Người khởi kiện còn cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất thu hồi trong cùng dự án là khác nhau, không đảm bảo công bằng nhưng người khởi kiện không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Các tài liệu người bị kiện giao nộp thể hiện các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã VP, thành phố TB đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ; không có tài liệu nào thể hiện việc UBND thành phố TB áp giá bồi thường cao hơn cho một số hộ gia đình khác như người khởi kiện trình bày. Việc bồi thường, hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ không chấp nhận yêu cầu của bà N về hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND là có căn cứ.

- Xét Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố TB , tỉnh TB về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh TB về việc giải quyết khiếu nại (lần hai):

Như đã phân tích ở đoạn [2.1] và [2.2] Quyết định số 13577/QĐ-UBND được ban hành đúng về trình tự, thủ tục, và nội dung. Bà N cho rằng đơn giá bồi thường là không công bằng giữa các hộ dân nên đã ủy quyền cho bà Hoàng Thị T và 04 công dân khác làm đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố TB giải quyết khiếu nại bằng việc ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu). Việc ban hành quyết định này là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại. Tuy có vi phạm về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện nên không phải là căn cứ để hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố TB .

Vì Quyết định số 3272/QĐ-UBND là quyết định giải quyết lần đầu đối với Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 có căn cứ như đã phân tích nêu trên nên Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh TB giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng.

[3] Với các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác đơn khởi kiện

của Bà Vũ Thị N là đúng quy định của pháp luật. Xét nội dung kháng cáo của bà N vẫn như nội dung khởi kiện tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà N.

[4] Về án phí: Bà Vũ Thị N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà N.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác kháng cáo của bà Vũ Thị N. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 214/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh TB .

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Vũ Thị N.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh TB ;
- VKSND tỉnh TB ;
- Cục THADS tỉnh TB ;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thơm

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đình Khánh

Bùi Xuân Trọng

Đặng Thị Thơm

